

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-12-2021
*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thành;
2. Bà Ngô Hồng Điệp;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Thanh T1, sinh năm: 1983;
Cư trú tại: Ấp 1, xã P.V, huyện C, tỉnh Long An, có mặt.
2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm: 1983;
Cư trú tại: Ấp 2, xã L.S, huyện C, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T1 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Ông T1 và bà T2 cưới nhau năm 2010, hôn nhân của vợ chồng ông là tự nguyện, có tìm hiểu nhau được 01 năm. Vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 22/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã P.V, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bà T2 mượn nợ người khác, chủ nợ tới nhà đòi nợ, đập phá nhà cửa, thậm chí đánh cả mẹ ruột của ông T1. Ông T1 và gia đình ông T1 không biết bà T2 mượn để làm gì, cũng không nghe bà T2 thông báo về các khoản nợ này. Các khoản nợ này là nợ riêng của bà T2. Sau đó, bà T2 đã tự ý rời khỏi nhà, về gia đình cha mẹ ruột của bà T2 sống, không còn chung sống với ông T1 từ ngày 14/7/2017 cho đến nay. Cách đây 02 năm, ông T1 có tìm gặp bà T2 để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T1 yêu cầu được ly hôn với bà T2.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Phát Tài, sinh ngày 16/11/2011 và Huỳnh Thị Trúc Mai, sinh ngày 17/6/2016. Từ khi vợ chồng sống ly

thân cho đến nay, hai con chung đang do ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu bà T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Thanh T2. Bà T2 không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của ông T1 và cũng không đến Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Thanh T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T2, bà T2 có nơi cư trú tại Ấp 2, xã L.S, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thanh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà T2.

[2] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh T1 và bà Nguyễn Thị Thanh T2 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P.V cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01, ngày 22/4/2010, nên xác định hôn nhân giữa ông T1 và bà T2 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T1, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ vấn đề tài chính, bà T2 mượn nợ người khác, chủ nợ tới nhà đòi nợ, đập phá nhà cửa, thậm chí đánh cả mẹ ruột của ông T1. Ông T1 và gia đình ông T1 không biết bà T2 mượn để làm gì, cũng không nghe bà T2 thông báo về các khoản nợ này. Sau đó, bà T2 đã tự ý rời khỏi nhà, về gia đình cha mẹ ruột của bà T2 sống, không còn chung sống với ông T1 từ ngày 14/7/2017 cho đến nay. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T2 nhưng bà T2 không đến tòa án tham gia hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, ông T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà T2. Hội đồng xét xử xét thấy ông T1 và bà T2 đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cũng như duy trì đời sống hôn nhân. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa ông T1 và bà T2 không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T1 đối với bà T2.

[3] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, ông T1 và bà T2 có hai người con chung tên Huỳnh Phát Tài, sinh ngày 16/11/2011 và Huỳnh Thị Trúc Mai, sinh ngày 17/6/2016. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, hai con chung do ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Tài có nguyện vọng được ở với cha khi cha mẹ ly hôn. Đối với cháu Mai, trong thời gian vợ chồng ông T1 sống ly thân, cháu Mai do ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, do đó để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu Mai nên giao cho ông T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T1, giao cho ông T1 nuôi dưỡng 02 con chung. Ông T1 không yêu cầu bà T2 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T1 xác định không có tài sản chung, nợ

chung, bà T2 không có ý kiến phản hồi vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông T1 phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh T1 về việc yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T2.

Về hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh T1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T2.

Về con chung: Giao cho ông Huỳnh Thanh T1 nuôi dưỡng hai người con chung tên Huỳnh Phát Tài, sinh ngày 16/11/2011 và Huỳnh Thị Trúc Mai, sinh ngày 17/6/2016. Bà Nguyễn Thị Thanh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Ông Huỳnh Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp theo biên lai thu số 0009607 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

Bản án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã P.V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Võ Thu Xuân

